

Bài 1 : Nước Việt Nam

Đông Nam:	<i>Southeast</i>	Châu Á:	<i>Asia</i>
Diện tích:	<i>area</i>	Tiểu bang:	<i>state</i>
Quan trọng:	<i>important</i>	Thương cảng:	<i>port, harbor</i>

Nước Việt Nam ở miền Đông Nam châu Á, hình cong như chữ S và diện tích ước khoảng 330.000 km², với dân số hơn 80 triệu người. Diện tích của nước Việt Nam tương đương 4/5 diện tích của tiểu bang California.

Phía Bắc giáp nước Trung Hoa, phía Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông giáp Thái Bình Dương (còn gọi là biển Đông) với hơn 2200 km bờ biển, phía Tây giáp Ai Lao và Cam Bốt.

Nước Việt Nam chia ra làm ba miền: miền Bắc, miền Trung, và miền Nam. Miền Bắc bắt đầu từ ải Nam Quan cho đến hết tỉnh Ninh Bình. Miền Trung bắt đầu từ Thanh Hóa cho đến Bình Thuận. Miền Nam bắt đầu từ Phước Long đến mũi Cà Mau.

Các thành phố quan trọng của miền Bắc gồm có: Hà Nội, Hải Phòng, và Nam Định. Miền Trung gồm có: Huế, Đà Nẵng, và Nha Trang. Miền Nam gồm có: Sài Gòn, Biên Hòa, và Cần Thơ.

Các thương cảng quan trọng của Việt Nam là Hải Phòng, Đà Nẵng, và Sài Gòn.



Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Nước Việt Nam nằm về phía nào ở châu Á? Diện tích ước khoảng bao nhiêu km²?

2. Việt Nam tiếp giáp với những quốc gia và biển nào?

3. Việt Nam được chia làm mấy miền?

4. Hãy kể các thành phố quan trọng của miền Bắc, miền Trung, và miền Nam?

5. Hãy kể các thương cảng quan trọng của Việt Nam?

▼ Fansipan: Ngọn núi cao nhất Việt Nam

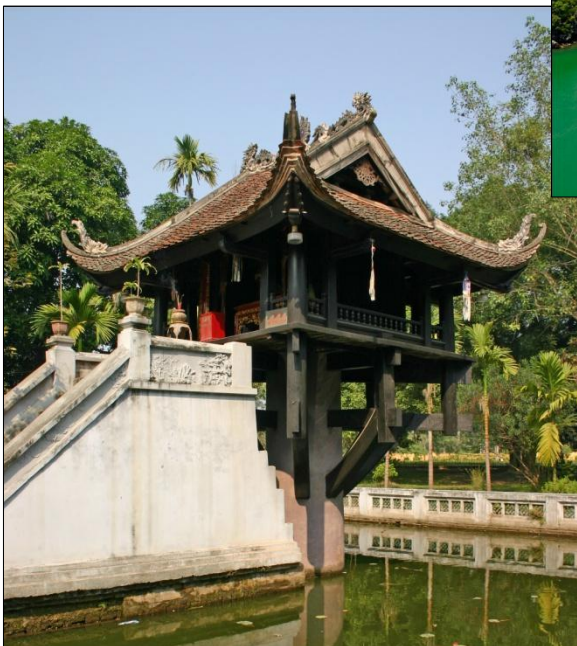


Sapa ▲

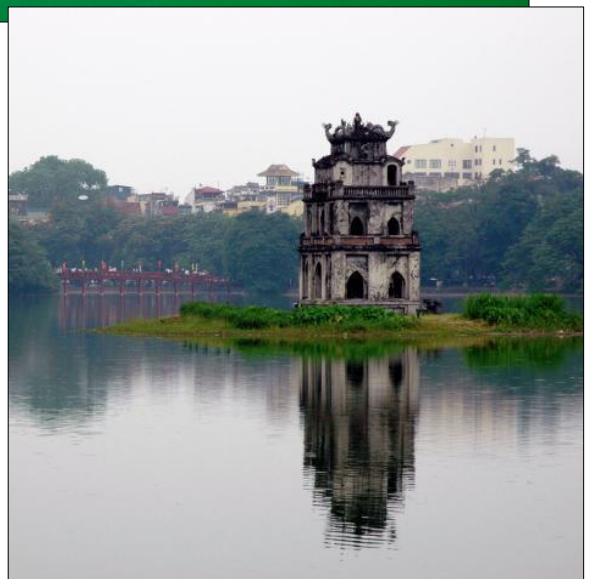
Vịnh Hạ Long ▼



Chùa Một Cột (Hà Nội) ▼



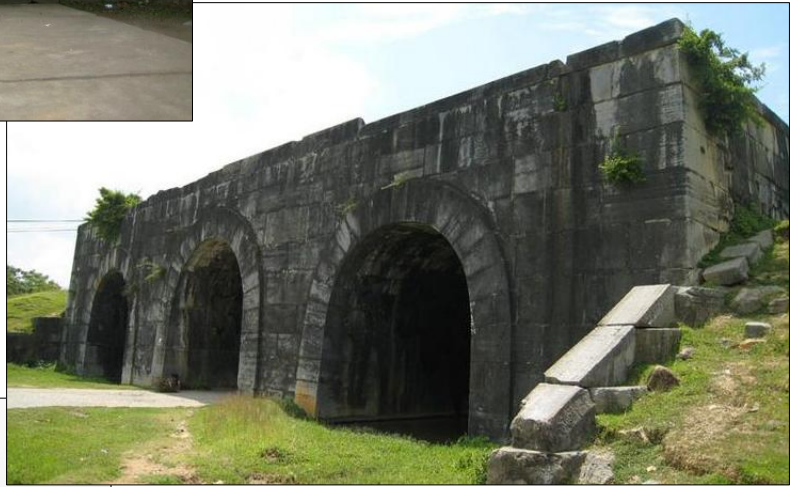
Hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội) ►





▲ Đền Vua Đinh Tiên Hoàng (Ninh Bình)

Thành Tây Đô (Thanh Hóa): Còn gọi là Thành Nhà Hồ, kinh đô nước Đại Ngu (quốc hiệu Việt Nam thời nhà Hồ). ▼



▼ Đền Vua Quang Trung (Nghệ An)



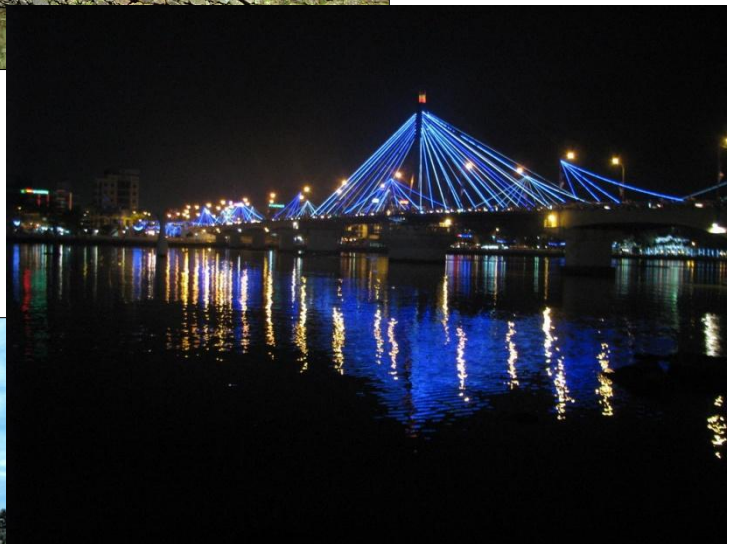
Sông Lam, Núi Hồng (Hà Tĩnh): Theo truyền thuyết Kinh Dương Vương đã chọn núi Hồng Lĩnh làm kinh đô. ►





▲ *Cố Đô (Huế)*

Cầu Sông Hàn (Đà Nẵng) ►



▲ *Cầu Nhật Bản (Hội An)*

Ghềnh Ráng (Quy Nhơn) ►





▲ Tháp Chàm (Phan Rang)



Bãi biển Nha Trang ▼

Đồi cát (Phan Thiết) ▼



▼ Thành Phố Sài Gòn



Giăng lưới (Cà Mau) ►

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Nước Việt Nam ở miền Đông Nam châu Á, hình cong như chữ S và diện tích ước khoảng 330.000 km², với **dân số** hơn 80 triệu người. Từ “**dân số**” có nghĩa là:
 - Số người.
 - Số nhà cửa.
 - Số xe cộ.
2. Diện tích của nước Việt Nam **tương đương** 4/5 diện tích của tiểu bang California. Từ “**tương đương**” có nghĩa là:
 - Gần bằng nhau.
 - Lớn hơn.
 - Nhỏ hơn.
3. Phía Bắc **giáp** nước Trung Hoa, phía Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông giáp Thái Bình Dương. Từ “**giáp**” có nghĩa là:
 - Cách xa nhau.
 - Đối diện nhau.
 - Sát với nhau, cùng một ranh giới.
4. Nước Việt Nam chia ra làm ba **miền**: miền Bắc, miền Trung, và miền Nam. Từ “**miền**” có nghĩa là:
 - Thành phố.
 - Khu vực lớn có đặc điểm riêng.
 - Xóm làng.
5. Các thành phố **quan trọng** của miền Bắc gồm có: Hà Nội, Hải Phòng, và Nam Định. Từ “**quan trọng**” có nghĩa là:
 - Lớn, có ảnh hưởng.
 - Nhỏ, tầm thường.
 - Ở xa.
6. Các **thương cảng** quan trọng của Việt Nam là Hải Phòng, Đà Nẵng, và Sài Gòn. Từ “**thương cảng**” có nghĩa là:
 - Bến tàu, nơi tụ họp để buôn bán.
 - Bến đò, nơi đón ghe qua sông.
 - Trạm xe, nơi đón xe buýt.

Thêm Dấu

(Đọc cho các em thêm dấu.)

*Nuoc Viet Nam o mien Dong Nam Chau A,
hinh cong nhu chu S.*

*Phia Bac giap nuoc Trung Hoa, phia Nam
giap vinh Thai Lan, phia Dong giap Thai
Binh Duong.*

*Nuoc Viet Nam chia ra lam ba mien: mien
Bac, mien Trung va mien Nam.*

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Miền Bắc bắc đầu thừ ả Nam Quan cho đến hết tỉnh Ninh Bình. (3 lỗi)

Các thron càng quan trọng của Việt Nam là Hải Phòng, Đà Nẵng, và Sài Gòn. (3 lỗi)

Tập Làm Văn – Ở Đâu?

Để câu văn được rõ ràng và mạch lạc hơn người ta thường thêm vào đó những chi tiết về nơi chốn bằng cách đặt các câu hỏi như:

Ở đâu? Tại đâu? Nơi nào? Chỗ nào? ...

Thí dụ:

Mẹ chở Mai và Tú đi mượn sách.

Câu trên đã đầy đủ ý nhưng muốn nó rõ ràng hơn với những chi tiết về nơi chốn chúng ta đặt câu hỏi như sau:

Mẹ chở Mai và Tú đi mượn sách ở đâu?

ở thư viện

Ráp lại, chúng ta sẽ có câu như sau:

Mẹ chở Mai và Tú đi mượn sách *ở thư viện*.

Bảng Từ

ở siêu thị (<i>at the supermarket</i>)	ở thư viện (<i>at the library</i>)
ở rạp phim (<i>at the movie theater</i>)	ở bưu điện (<i>at the post office</i>)
ở công viên (<i>at the park</i>)	ở bệnh viện (<i>at the hospital</i>)
ở quán ăn (<i>at the restaurant</i>)	ở tiệm sách (<i>at the bookstore</i>)
ở sở thú (<i>at the zoo</i>)	ở văn phòng bác sĩ (<i>at the doctor's office</i>)
ở phi trường (<i>at the airport</i>)	ở bãi đậu xe (<i>at the parking lot</i>)
ở thương xá (<i>at the mall</i>)	ở sân vận động (<i>at the stadium</i>)
ở nhà thờ (<i>at church</i>)	ở trường học (<i>at school</i>)
ở nhà (<i>at home</i>)	ở phòng ngủ (<i>in the bedroom</i>)
ở phòng khách (<i>in the living room</i>)	ở phòng bếp (<i>in the kitchen</i>)
ở phòng ăn (<i>in the diningroom</i>)	ở phòng vệ sinh (<i>in the restroom</i>)

Muốn thêm chi tiết về nơi chốn chúng ta phải chú ý đến các giới từ như:

Ở, trên, dưới, trong, ngoài, cạnh, trước, sau, tại, v.v..

Thí dụ:

Bố thích uống trà và đọc báo.

Chúng ta tự hỏi:

Bố thích uống trà và đọc báo ở đâu?

Chúng ta có thể trả lời câu hỏi trên như sau (chú ý tới những giới từ):

<i>ở</i>	<i>ở công ty</i>	<i>cạnh</i>	<i>cạnh hồ cá</i>
<i>trên</i>	<i>trên lầu</i>	<i>trước</i>	<i>trước nhà</i>
<i>dưới</i>	<i>dưới bếp</i>	<i>sau</i>	<i>sau vườn</i>
<i>trong</i>	<i>trong phòng khách</i>	<i>tại</i>	<i>tại phi trường</i>
<i>ngoài</i>	<i>ngoài sân</i>	<i>...</i>	<i>...</i>

Trong trường hợp này chúng ta chọn: “**trong phòng khách**”.

Ráp lại chúng ta sẽ có câu như sau:

Bố thích uống trà và đọc báo **trong phòng khách**.

Chúng ta có thể dùng giới từ “**ở**” chung với các giới từ chỉ nơi chốn như: *ở trên, ở dưới, ở trong, ở ngoài, ở cạnh, ở trước, ở sau, ở tại, v.v..*

Bài Tập – Tập Làm Văn (Ở Đâu?)

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn vào những câu sau.)

1. Vào lúc năm giờ sáng mỗi ngày, bố mẹ Hòa thức dậy để chạy bộ.

2. Tôi đứng nhìn bày trẻ tung tăng nô đùa.

3. Chúng tôi ngồi nghe bà kể chuyện cổ tích.

4. Thỏ chạy thi với rùa.

5. Tôi ngồi im lắng nghe tiếng gió thổi vi vu.
